416 312 0027

REV. DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	C	LITTING T	ΓOLERANO	F		
	新规设计	1127.110.	+	Zhang_Guang_Wu		±0.002	0.000 +0	+0		
init. 2014/11/11	771 / 2 P. VI		11008_0017 01	wed_0008_118	0,000	±0.005	0.000 -0	-0.005 +0.005 -0		
			-		0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01		
			<u> </u>		0.0	±0.1	0.00 _0	+0.01		
					0,	±0.2	0.0 +0	+0		
	LA (Ø64.9) -GR	2					0.0 _0	+0.1 -0		
	LA (Ø64.9) -GR Q65.0-0.	3	>		TO	LERAI	NCES NO E SPECI	OT		
:	+0.2 Ø30.0+0.2	LA		LA (C0.	_		MARKS	1 12,0		
	LA (C0.7) C0.5				/		G	•		
LA (C1	2) .04	C0.	5		∇	∇ (∇	G ✓✓)			
	R0.3以7			G						
				Λ	₮					
		77//		(15.0)	LA (1	5.2) -GI	R-GS-GP			
	8 R3 R3			V						
LA(5.0)-EN(5.1)-GS	48 C1 / 1///		9	$\triangle \Lambda$						
	R3 R3	/////								
	LA(C1.2)		Ø8.2	_						
	-0.02	///	LA	64.0						
LA (Ø39.2)	O-GR ≥ Ø39.00-0.03	4//		49.00						
	GP 5°			4	LA (4	9.0)-GF	R-GS-GP			
			<u></u>	A						
l	GP "		5.0	A						
			~\ -	V	V					
	C0.5 C0.5	+0.03	G	<u> </u>	一声	1				
	<u>GP</u> → <u>C0.5</u>	Ø8.00+0.02								
	LA(C0.7)	//		1	かシ					
		LA (Ø'/	.8)-GJ	J	厘					
	ról Öl	ان			.50)基準面力					
	22.5	2			20)					
	BJ	BJ			(31.	В	J-GS			
	BJ-DA					1				
				22	ر د	l .				
	4-7-5M5x15		$\overline{}$	1						
	4-77 NI3X 15			В	Ţ					
·	X / !	/ / /	\							
		\;		0.0	.0					
)	0.0	10 1	¥				
	$\int \int $	/I			_					
				В	J		•			
				V	/ _					
				22	<u>.5</u>	-	to have the distance from the first residence of	Λ,		
						() CHI	IAN		
						,	,	and the same of th		
DWN.	CHKD. TITLE				PARTS	NAME	- and			
<u> </u>	₩ 🗆 🖼		上ストリッパー							
L	Zhang_Guang_wu PART DRAWING		UPPER STRIPPER							
QUENCH&TEMPER	SURFACE 部品図		上脫模器							
HRC 60 °~ 62 °	部品図		上脱模器							
MATERIAL		SCALE			DWG.No.					
SKD11	2014/11/11 1:1	\leftarrow		9	934		$\overline{\Omega}$			
ווטאפ	2014/11/11		<u> </u>	<u>ر</u>	J 32	ナン				

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: S934900 SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG: NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197										
										THỜI GIAN CHUẨN 1P
									DIỄN GIẢI 1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø65*69	THỜI GIAN CHUẨN 1P